**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TRẦN ĐỀ**
**TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 08/8/2017.
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lý Công Minh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Hòa**

2. Ông **Huỳnh Minh Thuận**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Chí Hướng** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông **Lý Út Hoài** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2017, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Đoàn Văn B**, sinh năm 1966, địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện do bà Nguyễn Thị Nh lập ngày 16/5/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn Nguyễn Thị Nh trình bày như sau: Bà và ông Đoàn Văn B tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 12/2015 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi cưới nhau hai bên sống với nhau được một thời thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên chưa tìm hiểu nhau kỹ, thường hay cãi nhau với mức độ ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên từ tháng 5 năm 2017 bà và ông B không còn chung sống cho đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông B không có con chung. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đoàn Văn B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, bà Nh không yêu cầu giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Đoàn Văn B, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đoàn Văn B nhưng ông B không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Nh và không đến tham gia phiên họp để công bố chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/5/2017, bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đoàn Văn B có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Đoàn Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Nh:

[5] Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh và bị đơn ông Đoàn Văn B sống chung với nhau từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, việc kết hôn không được đăng ký theo quy định nêu trên thì không có giá trị pháp lý. Việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định

tại khỏan 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, nguyên đơn Nh và bị đơn B chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên, pháp luật không công nhận nguyên đơn Nh và bị đơn B là vợ chồng.

[6] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[7] Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Nh chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Đoàn Văn B vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn B.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Đoàn Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nh chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006349, ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Ông Đoàn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Đoàn Văn B vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Đoàn Văn B.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lý Công Minh**